

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ THỦY SẢN 2006-2012 VÀ ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ THỦY SẢN TỈNH BÌNH ĐỊNH 2013 – 2020

ASSESSMENT OF POLICY SITUATION FOR INVESTMENT TO FISHERIES 2006-2012 AND RECOMMENDATIONS TO IMPROVE INVESTMENT POLICIES IN BINH DINH PROVINCE 2013 - 2020

Kiều Thị Huyền

Khoa Thủy sản, Trường đại học Nông Lâm Huế

Email: kieuthihuyen2512@gmail.com

ABSTRACT

The assessment of the fisheries policy was carried out 5 districts and 1 city of Binh Dinh province. Research have done on many different variables, with 82 fishermen and women by interview of questionnaires, they engaged in fishing capture and aquaculture, processing, purchasing seafood products, the households hatchery fish. There were 53 enterprises, 41 semi-structured staffs at all levels from the commune, district and provincial level; and also 32 case studies for representatives of all the groups for the sites, the implementation of effective policies at locations in the different policy kinds. Through survey and interview comments from the consultation seminars at district and provincial level, also a provincial consultative workshop to draw the overall assessment of the situation, the effectiveness of the mechanisms and policies fisheries are being applied locally and make policy recommendations for the management, determine the staples of the local "ocean tuna" and the policy solutions to help attachment, improve the investment, develop and improve the competitiveness of the fishery and aquaculture products in Binh Dinh.

Key words: Fishery Policies, policy recommendations and advocacy, investment environment for fisheries

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bình Định là một tỉnh thuộc duyên hải Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông. Toàn tỉnh có tổng diện tích tự nhiên là 605.058 ha, bao gồm: diện tích đất nông nghiệp 441.435ha (73%); đất phi nông nghiệp 69.032 ha (11,4%); đất chưa sử dụng 94.591ha (15,6%). Trong diện tích đất nông nghiệp gồm có: đất sản xuất nông nghiệp 131.717 ha, đất lâm nghiệp có rừng 306.344 ha, đất nuôi trồng thủy sản 2.731 ha, đất làm muối 191 ha, đất nông nghiệp khác 452 ha. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 9 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố; có 129 xã, 16 phường và 14 thị trấn. Dân số 1.689.700 người, mật độ dân số 247 người/km². Trong 10 năm qua (2001-2010), tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Định luôn duy trì và phát triển ở mức cao, nền kinh tế tỉnh Bình Định tăng trưởng khá và tương đối ổn định, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) bình quân thời kỳ 2001–2010 đạt 9,9%/năm, cao hơn tốc độ tăng bình quân chung cả nước (7,26%). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt từ năm 2011, chỉ số cạnh tranh của các mặt hàng nông nghiệp, đặc biệt là ngành thủy sản ở tỉnh Bình Định giảm đáng kể. Với mục tiêu nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, chủ đề “*Đánh giá thực trạng chính sách đầu tư thủy sản 2006-2012 và Đề xuất chính sách đầu tư thủy sản tỉnh Bình Định 2013-2020*” đã được thực hiện.

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng, khách thể, địa điểm và thời gian nghiên cứu

Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đánh giá thực trạng hiệu quả cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư thủy sản giai đoạn 2006-2012 và hiện nay;

Xác định những nguyên nhân, hạn chế cản trở môi trường đầu tư ngành thủy sản và cung cấp dịch vụ hậu cần nghề cá. Những kinh nghiệm cần rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện và triển khai các chính sách nông nghiệp;

Xác định lợi thế cạnh tranh, cơ hội thị trường những ngành hàng cơ bản của tỉnh Bình Định làm định hướng phát triển giai đoạn 2013-2020;

Đề xuất các khuyến nghị, các nhóm chính sách và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư thu hút vào phát triển thủy sản, theo hướng tập trung vào các ngành hàng có cơ hội và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 – 2020.

Thời gian và địa điểm thực hiện

Nghiên cứu tiến hành từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2012, tại 6 huyện, thành phố thuộc tỉnh Bình Định (thành phố Quy Nhơn, huyện Tuy Phước, huyện Phù Mỹ, huyện Hoài Nhơn, huyện Tây Sơn và huyện Vĩnh Thạnh).

Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Điều tra đánh giá tác động của chính sách đến môi trường sản xuất thủy sản tại Bình Định

* *Phòng vấn cấu trúc (phỏng vấn bằng bảng hỏi)*

Phòng vấn trực tiếp 82 hộ ngư dân sản xuất thủy sản (NTTS, khai thác) và các hộ kinh doanh thủy sản bằng phiếu điều tra.

* *Phòng vấn sâu*

Có 53 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thủy sản trên địa bàn được thực hiện các phỏng vấn sâu bằng việc trả lời các câu hỏi theo bảng hỏi và cung cấp thêm các thông tin về tình hình sản xuất, tác động của các cơ chế chính sách tác động lên hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

* *Phòng vấn bán cấu trúc*

41 phỏng vấn bán cấu trúc được dành cho các cán bộ lãnh đạo trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản thuộc các ban ngành cấp tỉnh, thành phố, huyện, xã, thôn.

* *Nghiên cứu trường hợp*

32 nghiên cứu trường hợp được thực hiện ở các huyện (đại diện cho các hộ, doanh nghiệp, các HTX đầu tư trong lĩnh vực thủy sản với đầu tư qui mô nhỏ, vừa và lớn). Thông qua các nghiên cứu trường hợp, nhóm nghiên cứu tìm hiểu nguyện vọng kinh doanh và khả năng đầu tư của nông dân.

Tổ chức tọa đàm, hội thảo lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, các nhà quản lý về phát triển và đầu tư phát triển thủy sản, cung cấp hậu cần nghề cá...

Để xác lập căn cứ khoa học cho việc đưa ra các chiến lược và đề xuất các giải pháp cải thiện chính sách và môi trường đầu tư thủy sản, chúng tôi tổ chức các cuộc hội thảo lấy ý kiến như sau: 3 Hội thảo cấp huyện: 60 người (14 cán bộ cấp xã, 6 cán bộ cấp huyện, 10 đại diện doanh nghiệp và 20 nông dân chủ chốt tại 2 trong 6 huyện, thành phố/01 hội thảo); 01 Hội thảo cấp tỉnh: 60 người (20 cán bộ cấp xã, 15 cán bộ cấp huyện, 5 cán bộ cấp tỉnh, 10 đại diện doanh nghiệp, 10 đại diện ngư dân/HTX thuộc địa bàn 5 huyện và thành phố Quy Nhơn).

Sau đó, tổ chức 01 Hội thảo tham vấn và góp ý cho Tư vấn với 40 người tham gia là cán bộ các cấp, ban ngành của địa phương từ cấp huyện đến cấp tỉnh trong lĩnh vực thủy sản, nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh để thống nhất các chiến lược và giải pháp thực hiện giúp hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút và cải thiện môi trường đầu tư thủy sản trên toàn tỉnh.

Xử lý số liệu

Tất cả các số liệu được nhập vào các file SPSS version 16.0 (phương pháp ranking) để phân tích các khả năng trả lời trong việc lựa chọn khác nhau, lựa chọn nhiều phương án của các chính sách đã được gợi ý.

Số liệu được xử lý dựa trên các nhóm chính sách đã được ban hành, triển khai tại địa phương. Trên cơ sở các văn bản đó, chúng tôi chia thành các nhóm chính sách cơ bản sau đây:

- + Chính sách thị trường, tiêu thụ sản phẩm (thương mại) [5]
- + Chính sách về hỗ trợ thú y, phòng trừ dịch bệnh [2], [7], [14]
- + Chính sách hỗ trợ khi rủi ro [10], [13]
- + Chính sách hỗ trợ con giống [12], [17]
- + Chính sách tín dụng và vốn [1], [8]
- + Chính sách đào tạo nghề và tập huấn kỹ thuật năng cao năng lực [16], [18]
- + Chính sách đất đai, phát triển NTTS [15]
- + Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng, bao gồm thủy lợi [6]
- + Chính sách hỗ trợ đầu và thiết bị đi biển [3], [4], [11]
- + Chính sách liên kết 4 nhà [9]

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách đầu tư nông nghiệp 2006-2012

Kết quả khảo sát cơ chế chính sách thủy sản

Kết quả khảo sát cơ chế chính sách và đầu tư ở các nông hộ và các doanh nghiệp, cũng như phỏng vấn các cán bộ cấp huyện, xã và các HTX được phân bố như trong bảng 1. Các đối tượng phỏng vấn được lựa chọn ngẫu nhiên dựa trên tổng số hộ sản xuất, doanh nghiệp và cán bộ quản lý liên quan đến phát triển thủy sản của từng huyện, thành phố.

Bảng 1. Phân bố và cơ cấu mẫu được thực hiện

Huyện, Tp	Hoài Nhon	Phù Mỹ	Tuy Phước	Quy Nhơn	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Tổng
Đối tượng							
Hộ thủy sản	16	16	15	15	13	7	82
Doanh nghiệp	8	11	9	11	8	6	53
Các cán bộ cấp xã, huyện, tỉnh	8	7	6	10	5	5	41
Nghiên cứu trường hợp	6	6	6	6	5	3	32

Bảng 2 thể hiện sự quan tâm của những người sản xuất, kinh doanh đối với các chính sách thủy sản, cụ thể: Chính sách mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản thu hút được sự quan tâm của người dân nhiều nhất (85,37%). Tiếp đến là các chính sách về giống thủy sản, chính sách về thức ăn và thuốc thú y với tỷ lệ người quan tâm lên đến > 70% ở cả 5 huyện và 1 thành phố. Các chính sách về vốn và đào tạo kỹ thuật được quan tâm ở mức độ trung bình (>50% các hộ phỏng vấn). Các chính sách thương mại ít được người dân quan tâm nhất (24,39%), hầu hết họ không biết đến chính sách này.

Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho kết quả tương tự. Khi chúng tôi tiếp xúc với các doanh nghiệp và hỏi về các chính sách nông nghiệp mà họ quan tâm nhiều nhất thì câu trả lời là chính sách thức ăn thủy sản (chiếm 98,1%), tiếp đến là chính sách thú y thủy sản (96,2%), chính sách về con giống (81,1%), chính sách mặt nước (77,4%) và chính sách thương mại ít được các doanh nghiệp quan tâm nhất chỉ chiếm 52,8%.

Bảng 2. Sự quan tâm về chính sách của những người sản xuất thủy sản, doanh nghiệp

Chính sách	Mức độ quan tâm	Các hộ ngư dân		Doanh nghiệp	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Giống TS	Có	59	71,95	43	81,1
	Không	21	25,61	10	18,9
	Ý kiến khác	2	2,44	0	0
Thức ăn	Có	58	70,73	52	98,1
	Không	23	28,05	1	1,9
	Ý kiến khác	1	1,22	0	0
Thú y TS	Có	60	73,17	51	96,2
	Không	19	23,17	2	3,8
	Ý kiến khác	3	3,66	0	0
Vốn	Có	50	60,98	30	56,6
	Không	28	34,15	23	43,4
	Ý kiến khác	3	3,66	0	0
Thương mại	Có	20	24,39	25	47,2
	Không	61	74,39	28	52,8
	Ý kiến khác	6	7,32	0	0
Mặt nước	Có	70	85,37	41	77,4
	Không	11	13,41	12	22,6
	Ý kiến khác	0	0	0	0
Đào tạo kỹ thuật	Có	44	53,66	37	69,8
	Không	37	45,12	16	30,2
	Ý kiến khác	3	3,66	0	0

Bảng 3. Thứ tự ưu tiên các chính sách thủy sản

Tên các chính sách <i>Các huyện, TP.</i>	Thứ tự ưu tiên theo số							
	HN	PM	TP	QN	TS	VT	TT	GC
Chính sách thị trường, tiêu thụ sản phẩm, bình ổn giá cả	1	1	1	1	1	1	1	1
Chính sách tín dụng và vốn	1	2	2	2	3	2	2	2
Chính sách về hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh thủy sản	2	3	3	3	3	3	3	3
Chính sách hỗ trợ khi rủi ro thiên tai, bão lụt	3	5	2	5	4	4	4	5
Chính sách hỗ trợ giống, thức ăn thủy sản	4	4	3	2	2	2	2	3
Chính sách đất đai cho phát triển các vùng nuôi	5	1	6	6	5	5	5	5
Chính sách hỗ trợ đầu và thiết bị đi biển	3	3	4	4	8	8	8	4
Chính sách đào tạo nghề và tập huấn kỹ thuật, lao động nông thôn	8	6	5	7	6	6	6	6
Liên kết 4 nhà	7	7	8	1	9	7	7	7
Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng, đê bao	9	8	7	8	7	9	9	8

Chú giải: HN, Hoài Nhơn; PM, Phù Mỹ; TP, Tuy Phước; QN, Quy Nhơn; TS, Tây Sơn; VT, Vĩnh Thạnh; TT, Toàn tỉnh; GC, Ghi chú; 1-9: thứ tự ưu tiên từ cao tới thấp.

Qua bảng 3, cho ta thấy hầu hết ngư dân đều rất quan tâm đến các chính sách thủy sản. Chính sách được ngư dân quan tâm nhiều nhất là chính sách thị trường, tiêu thụ sản phẩm, bình ổn giá cả, tiếp đến là chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh thủy sản; chính sách về tín dụng và vốn, chính sách hỗ trợ khi rủi ro thiên tai, bão lũ; chính sách về hỗ trợ giống, thức ăn thủy sản; chính sách đất đai cho phát triển các vùng nuôi. Bên cạnh những chính sách rất được người dân quan tâm ưu tiên thì cũng có những chính sách người dân không quan tâm nhiều như chính sách thương mại; chính sách liên kết 4 nhà, chính sách vệ sinh an toàn thực phẩm. Vấn đề cần được xem xét ở đây là sự quan tâm các chính sách thủy sản giữa các hộ nuôi trồng thủy sản, hộ khai thác thủy sản và hộ chế biến thủy sản không giống nhau. Đối với các hộ khai thác thủy sản họ lại quan tâm nhiều đến các chính sách đầu tư công nghệ khai thác; chính sách về hỗ trợ dầu máy; chính sách về an toàn biển; chính sách hỗ trợ vốn để đóng tàu mới, nâng cấp tàu có công suất cao đánh bắt xa bờ. Các hộ nuôi trồng thủy sản lại quan tâm nhiều đến chính sách giống thủy sản, chính sách đất đai/mặt nước từ 75 – 87,5% số người được hỏi quan tâm. Các hộ chế biến thủy sản quan tâm nhiều đến thị trường, tiêu thụ sản phẩm bình ổn giá, chính sách thương mại.

Mức độ tham gia xây dựng và phản biện chính sách của người dân

Người dân đã có sự quan tâm nhất định đến các chính sách liên quan đến sản xuất, kinh doanh nông nghiệp. Việc tiếp cận chính sách chủ yếu là qua chính quyền địa phương các cấp (31,71%), hoặc là thông qua sự trao đổi thông tin của cộng đồng với nhau (29,27%); qua thông tin đại chúng (18,29%); còn thông qua các doanh nghiệp chỉ chiếm 6,1%. Mức độ tham gia xây dựng chính sách, phản biện chính sách không được người dân quan tâm, mặc dù vấn đề này hết sức quan trọng, nó liên quan đến việc hoạch định chính sách sát với thực tiễn địa phương và đúng đối tượng hơn. Qua khảo sát cho thấy có 50,48% ý kiến cho rằng họ không quan tâm đến phản biện chính sách, 32,93% chưa bao giờ quan tâm, còn mức độ tham gia phản biện chính sách chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (12,20%). Có tới 37,80% hộ tham gia phỏng vấn không có ý kiến về việc được tham gia vào quá trình xây dựng chính sách tại địa phương, các hộ được tham gia vào xây dựng chính sách vào các thời điểm khác nhau, thông thường là vào đầu mùa vụ sản xuất (18,29%), đầu năm (13,41%) và hàng tháng hoặc hàng quý (12,2%).

Bảng 4. Ý kiến của người dân trong việc tiếp cận, phản biện và xây dựng chính sách

Các phương tiện và nguồn thông tin chính sách	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phản biện chính sách	Thời gian xây dựng CS		Số lượng	Tỷ lệ (%)	
				Số	Tỷ lệ (%)			
Từ chính quyền địa phương các cấp	26	31,71	Chưa bao giờ tham gia	27	32,92	Đầu năm	11	13,41
Thông qua các cộng đồng	24	29,27	Có tham gia	10	12,20	Đầu vụ sản xuất	15	18,29
Qua thông tin đại chúng	15	18,29	Không quan tâm	45	54,88	Định kỳ hàng tháng	10	12,20
Qua các cơ quan khoa học	11	13,41				Định kỳ hàng quý	10	12,20
Qua các doanh nghiệp	5	6,10				Thời gian khác	5	6,10
Qua các nguồn thông tin khác	1	1,22				Không có ý kiến	31	37,80
Tổng số	82	100,00		82	100,00		82	100,00

Phản biện chính sách từ cán bộ và người dân

Mặt tích cực: Đa số ý kiến đều cho rằng, các chính sách trong thủy sản đang được thực hiện tại địa phương là tốt, phù hợp tình hình thực tiễn phù hợp với yêu cầu nguyện vọng của bà con nhân dân góp phần đưa sản xuất phát triển trong thời gian gần đây. Các chính sách thủy sản một mặt góp phần nâng cao năng suất, mặt khác nâng cao những hiểu biết của người dân về trình độ kiến thức như kỹ thuật nuôi, vệ sinh môi trường....

Mặt hạn chế:

Các chính sách thủy sản chưa tác động sâu rộng đến tất cả các nhóm ngư nghiệp, chủ yếu mới tác động đến nhóm khai thác thủy sản xa bờ và các nhóm nuôi trồng trong vùng quy hoạch, còn đối với nhóm khai thác và NTTS ven đầm, tự phát hầu như không thấy có sự ảnh hưởng lớn của chính sách.

Chính sách hỗ trợ kỹ thuật còn thiên về lý thuyết chủ yếu mở các lớp tập huấn, ít xây dựng các mô hình. Nhưng hiện nay với trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế, cần cầm tay chỉ việc, có mô hình hoá để người dân có thực hành và vận dụng tốt hơn.

Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng cho NTTS còn hạn chế. Hiện nay lĩnh vực nuôi trồng thủy sản chưa có quy hoạch tổng thể, cơ sở hạ tầng manh mún dẫn đến môi trường nuôi bị ô nhiễm, dịch bệnh. Chất thải của các xí nghiệp làm ảnh hưởng đến nguồn nước NTTS.

Chính sách tín dụng chưa phát huy hiệu quả do nguồn vốn được vay quá nhỏ, khó tiếp cận, trong khi nhu cầu vay của người dân thì rất lớn vì đầu tư cho NTTS cần nguồn vốn lớn, đặc biệt là đối với các hộ nuôi tôm.

Chính sách liên kết 4 nhà: chính sách này đã có nhưng trên thực tế chỉ mới liên kết 3 nhà: Nhà nước - ngư dân - nhà khoa học, doanh nghiệp chưa phát huy được vai trò. Một số địa phương chưa duy trì liên kết với nhà khoa học.

Chính sách thị trường, giá cả: Chính sách này hoàn toàn chưa phát huy tác dụng, thị trường, giá cả còn thả nổi, người dân tự đương đầu với giá cả bấp bênh nên dẫn đến lợi nhuận từ sản xuất của người dân chưa cao so với công sức lao động của họ bỏ ra.

Chính sách giống: chưa đáp ứng được nhu cầu của bà con ngư dân, còn nhiều bất cập.

Chính sách phòng trừ dịch bệnh: phòng dịch đập dịch tốt, nhà nước cũng cấp đầy đủ và kịp thời thuốc vacxin, nhưng thiết bị công cụ là chưa đầy đủ.

Chính sách bao tiêu sản phẩm đối với địa phương là chưa có, chủ yếu là qua các tư thương còn chính quyền địa phương chưa đứng ra làm đầu mối bao tiêu cho nhân dân.

Chính sách đào tạo nhân lực của địa phương có tác động tốt, đặc biệt đào tạo nghề cho nông dân. Các hộ thủy sản với nghề đánh bắt xa bờ, họ mong muốn đào tạo các thuyền viên, thợ sửa chữa máy và sử dụng các trang thiết bị trên biển đảm bảo an toàn.

Tác động của chính sách đến môi trường đầu tư trong lĩnh vực thủy sản

Tác động của các chính sách đến môi trường đầu tư sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định là rất lớn nhưng không đồng đều ở các nhóm chính sách khác nhau. Qua khảo sát số liệu bảng 5 cho thấy, các chính sách về thị trường, giá cả, chính sách con giống và chính sách hỗ trợ rủi ro là những nhóm có tác động rất mạnh (>90%) đến hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình. Tiếp đến, các nhóm chính sách có tác động mạnh là chính sách hỗ trợ vật tư, thức ăn, dầu máy, chính sách đất đai, mặt nước, chính sách hỗ trợ kỹ thuật (>70%). Ba nhóm chính sách về vệ sinh, dịch tễ; vốn, tín dụng và bao tiêu sản phẩm tác động ở mức độ trung bình (>60%). Tuy nhiên, cũng có một số chính sách ít tác động như chính sách thương mại, an toàn thực phẩm, đào tạo nghề và chính sách lao động (<40%).

Bảng 5. Tác động của chính sách đến môi trường đầu tư ngư nghiệp

Các chính sách	Tỷ lệ tác động (%)	Mức độ tác động
CS thị trường, giá cả thủy sản	97,56	A
CS con giống	92,68	A
CS hỗ trợ rủi ro	95,12	A
CS hỗ trợ vật tư, thức ăn, dầu máy	81,71	B
CS đất đai, mặt nước	87,80	B
CS hỗ trợ kỹ thuật	79,27	B
CS vệ sinh, dịch tễ	68,29	C
CS vay vốn, tín dụng	64,63	C
CS bao tiêu sản phẩm	60,98	C
CS thương mại	37,80	D
CS an toàn thực phẩm	36,59	D
CS đào tạo nghề	20,73	D
CS lao động	14,63	D

Chú giải: A: Tác động rất mạnh; B: Tác động mạnh; C: Tác động trung bình; D: ít tác động

Đánh giá chung về chính sách cải thiện và thu hút môi trường đầu tư thủy sản trong giai đoạn 2006 - 2012

Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc và phỏng vấn sâu cho thấy có nhiều ý kiến cho rằng các cấp lãnh đạo, các tổ chức chính trị xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến, triển khai thực hiện chính sách, thu hút các hoạt động đầu tư kinh doanh vào nông nghiệp. Trong 94 người được phỏng vấn, có 33 người trả lời có ảnh hưởng rất quan trọng (35,11%), 38 người trả lời có quan trọng (40,43%), 17 người trả lời bình thường (18,08%), 6 người trả lời không quan trọng (6,38%).

Từ các thông tin thu thập được (53 phỏng vấn sâu, 41 phỏng vấn bán cấu trúc và 32 nghiên cứu trường hợp) thì hầu hết các doanh nghiệp, cán bộ tham gia đã nhận thức tốt về tác động của chính sách đến phát triển thủy sản (94,74%). Các nhóm đối tượng phỏng vấn này đều có những nhận định chung về cơ chế chính sách cải thiện môi trường đầu tư thủy sản ở Bình Định trong giai đoạn 2006 -2012 như sau:

Chính sách hỗ trợ sản xuất như chính sách hỗ trợ giống, chính sách hỗ trợ dầu cho ngư dân khai thác thủy sản xa bờ, chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch bệnh thủy sản, chính sách tín dụng, chính sách khắc phục thiên tai và đầu tư có vai trò quan trọng và tác động mạnh mẽ đến phát triển ngành thủy sản.

Các chính sách bị coi là ít có tác động hoặc ít phát huy tác dụng như chính sách giá cả thị trường, chính sách bao tiêu sản phẩm, chính sách an toàn thực phẩm, thú y thủy sản, sự liên kết 4 nhà (nông, khoa học, doanh nghiệp và nhà quản lý).

Các chính sách tác động không đồng đều lên các cụm dân cư khác nhau do trình độ nhận thức của cán bộ và người dân, do đặc thù kinh tế, do khả năng triển khai thực hiện của các địa phương và điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của họ.

Một số chính sách có thể thích hợp với địa phương này nhưng không thích hợp với các địa phương khác hoặc cần có các giải pháp cụ thể đi kèm mới có thể thực hiện được.

Môi trường đầu tư còn thiếu các yếu tố có sức hấp dẫn như hành lang pháp lý chưa vững chắc, chưa có chính sách ưu đãi, chính sách bảo hộ và các gói kích cầu trong đầu tư, thiếu tính ổn định và bền vững.

Khả năng thích ứng và năng lực cạnh tranh của nông hộ sản xuất thấp, có những mặt hàng xây dựng thương hiệu nhưng kinh doanh lại không cạnh tranh được. Hoạt động kinh doanh của

các doanh nghiệp chưa được phát huy mạnh mẽ, cần phải có các chính sách kích cầu và đào tạo doanh nhân để họ có khả năng xây dựng các doanh nghiệp nông nghiệp có năng lực. Môi trường đầu tư vẫn chưa có do điều kiện cơ sở hạ tầng và thị trường tiêu thụ sản phẩm vẫn còn hạn chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa khai thác được tiềm năng sẵn có của tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp khai thác và chế biến thủy sản

Đề xuất cải thiện chính sách thu hút môi trường đầu tư phát triển thủy sản tỉnh Bình Định (2013 - 2020)

Thông qua các kết quả nghiên cứu, khảo sát các nhóm đối tượng khác nhau về thực trạng cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư thủy sản ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2006-2012, chúng tôi đã thống nhất với các cơ quan ban ngành liên quan để đưa ra các khuyến nghị và giải pháp chính sách nhằm cải thiện môi trường thu hút đầu tư phát triển giai đoạn 2013-2020 như sau:

Khuyến nghị chính sách

Kiến nghị đối với Quốc hội, Chính phủ

- Rà soát, bổ sung, thay đổi chính sách phát triển thủy sản
- Xem xét ban hành các chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn và các cơ sở sản xuất
- Đối thoại chính sách nông nghiệp.
- Kiểm tra việc thực hiện chính sách, cơ chế đầu tư phát triển nông nghiệp
- Tăng ngân sách cho phát triển thủy sản
- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, từ cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đến lao động nghề nông thôn theo hướng phát triển lâu dài và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Kiến nghị đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chính sách giống nông nghiệp, ưu tiên các giống chủ lực
- Đầu tư ngân sách xây dựng chiến lược phát triển và quy hoạch sản xuất Nông- Lâm - Ngư nghiệp cấp huyện.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực và áp dụng khoa học kỹ thuật
- Nâng cao nhận thức về sản xuất và thu hút đầu tư phát triển thủy sản
- Đánh giá, rút kinh nghiệm thường xuyên

Kiến nghị đối với UBND tỉnh Bình Định

- Xây dựng và phát triển chính sách tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường
- Quy hoạch và sử dụng đất, đầu tư cơ sở hạ tầng
- Chính sách ưu đãi vốn cho sản xuất thủy sản
- Chính sách đào tạo nghề cho ngư dân và tăng cường đội ngũ cán khoa học kỹ thuật
- Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp

Đề xuất mặt hàng chủ lực thủy sản đến năm 2020

Xây dựng ngành hàng thủy sản có thương hiệu tốt

- UBND tỉnh đề xuất Bộ Công thương tổ chức các Hội nghị thương mại nhằm khơi thông thị trường xuất khẩu sản phẩm chủ lực là ***cá ngừ đại dương***.
- Có chính sách đầu tư các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm thủy sản. Bước đầu, Bộ Công thương hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm đối tác ở nước ngoài.
- Có chương trình của Chính phủ hỗ trợ các địa phương tổ chức “Hội nghị gọi mở, tìm ra cơ chế, tháo gỡ khó khăn cho ngư dân và doanh nghiệp, từng bước thúc đẩy xuất khẩu ổn định”.
- Tỉnh Bình Định sớm triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ vốn vay cho ngư dân và doanh nghiệp khai thác đóng mới tàu có công suất lớn hay tàu vỏ sắt để khai thác cá ngừ đại dương.
- Tập trung xây dựng chính sách an toàn biển cho ngư dân khai thác, đặc biệt cho nhóm khai thác xa bờ.
- Tăng cường huấn luyện kỹ thuật khai thác, tổ chức các khóa đào tạo thuyền trưởng và máy trưởng.
- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhiên liệu theo quyết định của chính phủ về việc hỗ trợ giá dầu cho ngư dân khai thác, giảm thủ tục và đơn giản hóa quy trình hỗ trợ.

Các giải pháp hoàn thiện chính sách đầu tư phát triển mặt hàng chủ lực

Nguyên tắc đề xuất các giải pháp cải thiện cơ chế chính sách

- Tạo bước đột phá mới về cơ chế, chính sách của địa phương, nhằm tăng khả năng khai thác các nguồn lực cho nông nghiệp và thủy sản, đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an ninh lương thực và hội nhập WTO.
- Đảm bảo phát triển bền vững trên cơ sở phát triển tối đa các nguồn lực địa phương và có tính cạnh tranh cao, tìm kiếm nguồn lực từ bên ngoài.
- Bảo đảm đồng bộ và đầy đủ các điều kiện triển khai, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các dự án phát triển thủy sản trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Các nhóm giải pháp cải thiện chính sách

Nhóm giải pháp về thị trường tiêu thụ

- Có chính sách củng cố hệ thống chợ đầu mối và thiết lập mạng lưới tiêu thụ sản phẩm cho người dân. Đầu tư 1 phần vốn cho doanh nghiệp xây dựng các trạm thu mua.
- Chính sách hỗ trợ các HTX hay các Trung tâm thúc đẩy mua bán sản phẩm ở các địa phương theo chuỗi sản phẩm, chú ý truy suất nguồn gốc cá ngừ đại dương.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho sản xuất

- Hỗ trợ cho ngư dân đóng mới tàu thuyền, trang bị các thiết bị đi biển phục vụ cho khai thác cá ngừ đại dương.

Khuyến khích thu hút các nguồn vốn đầu tư

- Tăng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ưu tiên đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng nhà nước, vốn ODA cho các dự án thuộc lĩnh vực thủy sản
- Khuyến khích huy động các nguồn vốn khác trong khu vực dân cư và doanh nghiệp, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho các dự án đầu tư cho thủy sản
- Với một số doanh nghiệp hoạt động sơ chế/ chế biến sản phẩm được phép sử dụng lợi nhuận trước thuế để đầu tư các công trình phục vụ sản xuất và hệ thống xử lý chất thải.

Nhóm các cơ chế chính sách khuyến khích về nguồn nhân lực

- Cần đẩy mạnh chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với các đề án, chương trình sản xuất cụ thể và cơ sở, doanh nghiệp đào tạo nghề được ưu đãi không có thuế giá trị gia tăng trong các dịch vụ đào tạo nghề.
- Nghiên cứu ban hành các chính sách và chế độ đãi ngộ đặc thù; bảo đảm cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ cho các cán bộ, công nhân viên phục vụ trong lĩnh vực thủy sản.
- Có cơ chế, chính sách đặc thù thu hút nhân lực có trình độ tham gia vào quản lý, hoạt động trong lĩnh vực thủy sản nhất là các vùng núi vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Tinh hỗ trợ kinh phí 100 % cho các tổ chức gửi cán bộ đi đào tạo chất lượng cao ở các trường đại học và viện nghiên cứu quốc gia.

Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ

- Hàng năm trung ương/địa phương dành ngân sách thoả đáng cho việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực thủy sản, nghiên cứu đưa vào áp dụng các thành tựu khoa học đặc biệt là các khoa học kỹ thuật trên biển nhằm hỗ trợ người dân khai thác cá ngừ đại dương trên biển ngày càng hiệu quả và an toàn hơn.
- Có cơ chế hỗ trợ kinh phí hoặc trợ giá một phần cho việc đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh theo hướng sản xuất sạch hơn và bền vững.
- Hỗ trợ 100 % kinh phí xin nhận chuyển giao công nghệ trong thủy sản, cần có sửa đổi chính sách theo hướng đơn giản hoá các thủ tục hành chính trong việc thanh quyết toán về các nguồn tài chính này và nên khoán theo sản phẩm.

- Phát triển hợp tác quốc tế, khu vực và trong nước về nghiên cứu, trao đổi khoa học công nghệ và hỗ trợ kinh phí cho cán bộ tìm kiếm nguồn lực khoa học công nghệ phát triển ngành thủy sản

Hỗ trợ thuế cho các doanh nghiệp

Hỗ trợ về chính sách thuế doanh nghiệp, giảm 50% thuế doanh thu cho các doanh nghiệp, giảm thuế suất trong các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn trực tiếp với lợi ích của người nông dân, thu hút nhiều lao động nông thôn tham gia.

Hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và cho vay tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp dưới mức lãi trần của ngân hàng hoặc không lãi suất đối với các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có tính cạnh tranh cao hay các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

Khuyến khích liên kết của 4 nhà theo QĐ80/TTg

Có cơ chế chính sách đẩy mạnh phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới vì HTX là mô hình lý tưởng để gắn kết của 4 nhà trong phát triển nông nghiệp nông thôn.

Cần xây dựng chiến lược quốc gia cho các mặt hàng thủy sản chủ lực và ưu tiên đặc thù của từng địa phương để tăng tính liên kết của 4 nhà trong chuỗi giá trị sản phẩm.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tàu cá thông qua hỗ trợ giá sản phẩm khai thác theo sản lượng và hỗ trợ tiền dầu. Tinh đề xuất Bộ NN và PTNT thay đổi quy trình hỗ trợ tiền dầu, giao Chi cục Kiểm ngư xác nhận và theo dõi, cân đối thay cho việc xác nhận cả Công an Biên phòng và Vùng 4 Hải quân.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Sau một thời gian nghiên cứu, chúng tôi đã đạt được các kết quả như sau:

Các chính sách thu hút đầu tư thủy sản đang đi dần vào cuộc sống và có ảnh hưởng ngày càng sâu sắc đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân trong các ngành sản xuất thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Có rất nhiều chính sách đã có những tác động hết sức tích cực đến sản xuất như: chính sách hỗ trợ giống, chính sách hỗ trợ đầu tư cho ngư dân khai thác thủy sản xa bờ, chính sách hỗ trợ phòng trừ dịch thủy sản, chính sách tín dụng, chính sách khắc phục thiên tai và các chính sách khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, một số chính sách tác động chưa thật sự hiệu quả và vẫn còn rất nhiều bất cập đặc biệt là trong công tác triển khai, tuyên truyền và thực hiện các chính sách đến tận người dân và doanh nghiệp. Các chính sách ít có tác động hoặc ít phát huy tác dụng như chính sách giá cả thị trường, chính sách bao tiêu sản phẩm, chính sách an toàn thực phẩm, vệ sinh dịch tễ, sự liên kết 4 nhà (nông, khoa học, doanh nghiệp và nhà quản lý).

Người dân vẫn còn rất bị động trong tiếp cận chính sách, hầu hết đều rất ngỡ ngàng đối với việc phân biện và phân tích các chính sách liên quan đến sản xuất mà chủ yếu chỉ đang thực hiện một các thụ động theo hướng dẫn của các cán bộ địa phương.

Môi trường đầu tư vẫn chưa có do điều kiện cơ sở hạ tầng và thị trường tiêu thụ sản phẩm vẫn còn hạn chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa khai thác được tiềm năng sẵn có của tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp khai thác và chế biến thủy sản. Vì vậy, môi trường cạnh tranh nông nghiệp – thủy sản Bình Định vẫn chưa đủ năng lực cạnh tranh với các địa phương khác cũng như trong khu vực và quốc tế.

Các địa phương và tỉnh xác định mặt hàng chủ lực cho phát triển thủy sản của Bình Định là cá ngừ đại dương. Toàn tỉnh tập trung mọi nguồn lực thiết lập các cơ chế chính sách tốt nhất hỗ trợ cải thiện môi trường đầu tư và phát triển mặt hàng thành mặt hàng thế mạnh của tỉnh, bao gồm các nhóm chính sách: Nhóm giải pháp về thị trường tiêu thụ, Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng cho sản xuất, Khuyến khích thu hút các nguồn vốn đầu tư, khuyến khích về nguồn nhân lực, Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, Hỗ trợ thuế cho các doanh nghiệp, Khuyến

khích liên kết của 4 nhà theo QĐ80/TTg, ... theo thứ tự ưu tiên và tính cấp thiết của các nhóm chính sách này đối với thực tế sản xuất tại địa phương.

Kiến nghị

Đề nghị các cấp sớm đệ trình và ban hành các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất và tăng cường đầu tư trong thủy sản nhằm tạo ra môi trường đầu tư hiệu quả, thông thoáng, tạo động lực cho sự phát triển của ngành.

Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách một cách rõ ràng, nhất quán, triển khai thực hiện một cách quyết liệt nhanh chóng nhằm tạo đà phát triển nhanh và bền vững cho các thành phần kinh tế tham gia vào xây dựng, hoàn thiện và phát triển môi trường đầu tư thủy sản ở Bình Định sớm đưa Bình Định trở thành một địa phương đi đầu trong phát triển kinh tế thủy sản, đặc biệt là phát triển mặt hàng cá ngừ đại dương trở thành mặt hàng mang lại thương hiệu cho tỉnh.

Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách đến người dân thông qua nhiều kênh tuyên truyền khác nhau sao cho hiệu quả tuyên truyền ngày càng cao nhưng vẫn đảm bảo được tính chính xác của chính sách.

Tăng cường các hoạt động vận động xây dựng, phân tích và phản biện chính sách từ người dân để xây dựng các nhóm chính sách mang lại tính khả thi và tính hiệu quả cao. Cần tăng cường công tác kiểm tra, lấy ý kiến các chính sách đã ban hành để sớm có các điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại các địa phương khác nhau.

Công tác tổ chức thực hiện các chính sách cần được thực hiện một cách đồng bộ, rõ ràng tránh sự hiểu sai chính sách dẫn đến sự chậm trễ trong thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ NN&PTNT (2011). Thông tư liên tịch số 11/2011/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 14/3/2011 của liên bộ Nông nghiệp, Quốc phòng và Tài chính về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa.

Bộ NN&PTNT (2012). Công văn 2870/BNN-TY chủ động ngân sách địa phương để cung ứng hóa chất Chlorine phòng chống dịch bệnh thủy sản, Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Bộ Thủy sản (2000), Chỉ thị 05/2000/CT-BTS về biện pháp nhằm thực hiện hiệu quả các dự án đóng tàu khai thác hải sản xa bờ năm 2000.

Bộ tư lệnh vùng 2 Quân chủng Hải quân (2012), Công văn số 470/BTL-QL, ngày 04/4/2012 của Bộ tư lệnh vùng 2 Quân chủng Hải quân về thông báo con dấu của các Nhà giàn trên vùng biển DK1 do vùng 1, 2, 3, 4 Hải quân quản lý.

Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015”.

Nghị định về tổ chức và hoạt động của Kiểm ngư, 102/2012/NĐ-CP. ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Quyết định của chính phủ số 14 – CP ngày 02/3/1993 ban hành bản quy định về chính sách cho hộ sản xuất vay vốn để phát triển Nông – Lâm – Ngư – Diêm nghiệp và kinh tế nông thôn.

Quyết định số 80/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng

Quyết định 965/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Quyết định số 289/QĐ-TTG ngày 18/3/2008 về ban hành một số chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo và ngư dân.

Quyết định 289/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ, tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ ngư dân tính đến ngày 7/7/2008

Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa.

Quyết định số 1844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất hóa chất Chlorine dự trữ quốc gia hỗ trợ các địa phương phòng, chống dịch bệnh thủy sản, ngày 05 tháng 10 năm 2010 UBND tỉnh Bình Định (2002), Chính sách về chuyển đổi đất, mặt nước và cát ven biển sang nuôi tôm. (Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2002/QĐ-UB ngày 15/5/2002 của UBND tỉnh).

UBND tỉnh Bình Định (2010). Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 7 năm 2010; V/v điều chỉnh, bổ sung một số nội dung về chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức được cử đi học và một số chính sách đào tạo cán bộ khoa học – công nghệ trình độ cao.

UBND tỉnh Bình Định (2010). Quyết định số 2707/QĐ-CTUBND về việc phê duyệt Dự án Phát triển giống thủy sản giai đoạn 2010-2015 tỉnh Bình Định.

UBND tỉnh Bình Định (2012). Quyết định số 45/2002/QĐ-UB ngày 15/5/2002 của UBND tỉnh; V/v Ban hành quy định một số chính sách đào tạo cán bộ khoa học – công nghệ trình độ cao tỉnh Bình Định.